

Số: **101/2022/CNKQHGT**

*Bình Chánh, ngày 25 tháng 3 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào các Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 và Điều 36 Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành số: 60/2022/YCCNHGT ngày 04/3/2022 giữa những người yêu cầu sau:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông N V L , sinh năm: 1981;

Địa chỉ: A12/302, ấp 1, xã TN, huyện BC, TPHCM

2. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà C T D , sinh năm: 1982;

Địa chỉ: A12/302, ấp 1, xã TN, huyện BC, TPHCM

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Theo nội dung biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 04 tháng 03 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh thì các đương sự đã thỏa thuận được đầy đủ nội dung về việc ly hôn, tài sản chung, nợ chung, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ, chồng, con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Nội dung thỏa thuận, thống nhất của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về quan hệ vợ chồng: Ông N V L và Bà C T D đồng ý thuận tình ly hôn với nhau. Giấy chứng nhận kết hôn số 35, quyển số 01/2005 do Ủy ban nhân dân xã TN, huyện BC, TPHCM, cấp ngày 14/3/2005 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Ông N V L và Bà C T D xác nhận có 05 con chung tên N T T T (nữ), sinh ngày: 02/7/2003 (đã trưởng thành); N T T M (nữ) sinh ngày: 08/01/2004 (đã trưởng thành); N T D (nam), sinh ngày: 10/6/2008; N C K D (nữ), sinh ngày: 26/6/2012 và N N Y V (nữ), sinh ngày: 06/9/2018. Sau khi ly hôn ông L và bà D cùng thỏa thuận giao con chung là N T D, sinh ngày: 10/6/2008; N C K D, sinh ngày: 26/6/2012 và N N Y V, sinh ngày: 06/9/2018 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông N V L không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung N T D, sinh ngày: 10/6/2008; N C K D, sinh ngày: 26/6/2012 và N N Y V, sinh ngày: 06/9/2018, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho Bà C T D cho đến khi Ông N V L có yêu cầu.

Bà C T D có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Ông N V L và Bà C T D xác nhận không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông N V L và Bà C T D xác nhận không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự.**

**3.** Các đương sự có quyền đề nghị, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại Quyết định này theo quy định tại Điều 36 Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2020.

**4.** Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự (2);
- VKSND huyện Bình Chánh (2);
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (1);
- Lưu: VP, hồ sơ (2).

**THẨM PHÁN**

(Đã ký và đóng dấu)

**Đặng Thị Vân Hương**